

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 181/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2024

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Vẹn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Giang

Ông Đào Việt Khái.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 291/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã Ng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã Ng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày nội dung như sau:

Về hôn nhân: Vào năm 2008, ông và bà Hồ Thị T1 có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do không hoà hợp trong lối sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông và bà T1 đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 2019 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ và tiếp tục chung sống nên ông T yêu cầu ly hôn với bà Hồ Thị T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà T1 có 02 người con chung tên Lê Thủy T3 (giới tính nữ), sinh ngày 14 tháng 3 năm 2009 hiện do bà T1 đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và Lê Thùy T2 (giới tính nữ), sinh ngày 11 tháng 8 năm 2013 do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông yêu cầu giao Lê Thùy T2 cho ông tiếp tục nuôi dưỡng và bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thủy T3, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 07 tháng 11 năm 2024 bị đơn bà Hồ Thị T1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lê Văn T về thời gian bà và ông T chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Mâu thuẫn vợ chồng về thời gian không còn chung sống như vợ chồng đúng như ông T trình bày. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Đúng như ông T trình bày, hiện bà đang nuôi dưỡng Lê Thủy T3, ông T nuôi dưỡng Lê Thùy T2. Bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thủy T3, bà đồng ý giao Lê Thùy T2 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn T yêu cầu ly hôn đối với bà Hồ Thị T1, bà T1 cư trú tại ấp S, xã Ng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên đây là tranh chấp về xin ly hôn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Hồ Thị T1 có yêu cầu xin vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Hồ Thị T1 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Hồ Thị T1 thống nhất trình bày ông và bà kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã

Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm và mâu thuẫn kéo dài, không thể giải quyết được. Nay nhận thấy đời sống hôn nhân không đạt được, không thể hoà hợp, ông bà đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay nên ông T và bà T1 thống nhất ly hôn.

Như vậy, ông Lê Văn T và bà Hồ Thị T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình T2 bỏ không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”*. Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Do đó, Hội đồng xét xử T2 bỏ không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn T và bà Hồ Thị T1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Hồ Thị T1 có 02 người con chung tên Lê Thủy T3, sinh ngày 14/3/2009 hiện do bà T1 đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và Lê Thùy T2, sinh ngày 11/8/2013 do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông yêu cầu giao Lê Thùy T2 cho ông tiếp tục nuôi dưỡng và bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thủy T3, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 10 năm 2024, Lê Thùy T2 có nguyện vọng được sống cùng với cha là ông Lê Văn T và Lê Thủy T3 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Hồ Thị T1. Hội đồng xét xử xét thấy Lê Thùy T2 hiện đang sống với ông Lê Văn T và Lê Thủy T3 đang sống cùng bà Hồ Thị T1, vì vậy để ổn định môi trường sống của con chung, Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên hiện trạng nuôi con như trên, giao con chung là Lê Thùy T2 cho ông Lê Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung là Lê Thủy T3 cho bà Hồ

Thị T1 tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn T và bà Hồ Thị T1 về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Văn T đã nộp tạm ứng xong nay chuyển thu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; Điều 14; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn T và bà Hồ Thị T1.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Lê Thùy T2, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2013 cho ông Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao người con chung tên Lê Thủy T3, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2009 cho bà Hồ Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Ông Lê Văn T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003898 ngày 08 tháng 10 năm 2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, như vậy ông Lê Văn T không còn phải nộp thêm.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hồ Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thị Vẹn**